TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2025/DS-PT
Ngày: 03 - 01 - 2025
V/v tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản; Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trương Thị Tuyết Linh**

Các Thẩm phán: Ông **Trần Văn Đạt**

Bà **Nguyễn Ái Đoan**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Thúy Phương** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Bà **Bùi Thị Thanh Bạch** - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 521/2024/TLPT-DS ngày 14 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản, Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 95/2024/DS-ST ngày 26 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 644/2024/QĐ-PT ngày 21 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Hồ Văn T**, sinh năm 1969 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số F đường L, phường E, TP ., Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1979 (Có mặt).

Địa chỉ: Số A đường L, phường F, TP ., Tiền Giang.

(Văn bản ủy quyền ngày 01/4/2023).

Bị đơn:

1. Bà **Phan Thị Vui T1**, sinh năm 1960 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số F đường L, phường D, TP ., Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1955 (Có mặt).

Địa chỉ: Số D đường N, khu phố D, phường A, TP ., Tiền Giang.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 25/7/2023)

2. Bà **Phan Thị Kim H1**, sinh năm 1967 (chết)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng:

- Ông Nguyễn Thanh P, sinh năm 1967 (Có mặt).

- Anh Nguyễn Phan Anh T3, sinh năm 1990 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số F đường L, phường D, TP ., Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của anh T3: Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1955 (Có mặt).

Địa chỉ: Số D đường N, khu phố D, phường A, TP ., Tiền Giang.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 31/7/2023)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Phan Thị Thu T4, sinh năm 1964 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số F đường L, phường D, TP ., Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1955 (Có mặt).

Địa chỉ: Số D đường N, khu phố D, phường A, TP ., Tiền Giang.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 24/7/2023)

2. Ông Phan Văn H2, sinh năm 1955 (chết)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng:

- Bà Phan Thị Thanh H3, sinh năm 1959 (Xin vắng mặt).

- Anh Phan Hùng D, sinh năm 1982 (Vắng mặt).

- Anh Phan Hùng D1, sinh năm 1978 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số A đường N, phường E, TP ., Tiền Giang.

- Chị Phan Kim Hồng D2, sinh năm 1983 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Đường Đ, Quận D, TP ..

- ***Người kháng cáo:*** Ông Nguyễn Văn T2 là người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Phan Anh T3.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, nguyên đơn là ông Hồ Văn T ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Mỹ H trình bày: Ông Hồ Văn T có cho bà Phan Thị Kim H1, bà Phan Thị Vui T1 vay tiền để trả nợ ngân hàng, tổng cộng 3 lần là 350.000.000 đồng, gồm lần 1, ngày 14/10/2021, vay 150.000.000 đồng; lần 2, ngày 14/2/2022 vay 150.000.000 đồng; lần 3 ngày 16/5/2022, vay 50.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận lãi suất 1,5%/tháng. Thời hạn trả được thể hiện trong các biên nhận nợ.

Chữ ký tên trong biên nhận ngày 16/5/2022, ngày 14/02/2022, ngày 14/10/2021 là của bà H1. Sau khi vay, bà H1 có trả tiền lãi với số tiền 27.200.000 đồng. Nay do bà H1 đã chết nên ông T yêu cầu những người thừa kế của bà H1 gồm ông Nguyễn Thanh P, anh Nguyễn Phan Anh T3 trả số tiền vốn vay 350.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất 1,66%/tháng từ ngày 16/7/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm, trong phạm vi di sản do bà H1 để lại cho các đồng thừa kế. Trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Khi trả xong tiền thì ông T đồng ý trả lại bản chính 2 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK919700, số AK 919669 ngày 22/11/2007 cho các bị đơn. Đối với việc ông T khởi kiện bà T1, do biên nhận nợ chỉ ký tên bà H1 nên ông T xin rút lại yêu cầu khởi kiện buộc bà T1 trả nợ.

Ông Nguyễn Văn T2 đại diện theo ủy quyền của bà Phan Thị Vui T1, anh Nguyễn Phan Anh T3, bà Phan Thị Thu T4 trình bày: Việc ông T rút lại yêu cầu khởi kiện đối với bà T1 thì ông đồng ý, không có ý kiến gì.

Anh Nguyễn Phan Anh T3 không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của nguyên đơn vì đây là tiền vay của bà H1 nên không biết khoản nợ này. Việc thế chấp 2 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay tiền là không đúng nên yêu cầu Tòa án xem xét. Đây là di sản thừa kế chung của cha mẹ bà H1, bà T1 để lại nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ông Nguyễn Thanh P – người thừa kế theo pháp luật của bà Phan Thị Kim H1 đã được Tòa án tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về việc yêu cầu cung cấp ý kiến nhưng từ chối nhận văn bản tố tụng và không có ý kiến phản hồi gì.

Bà Phan Thị Thanh H3 – người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Phan Văn H2 trình bày: Bà là vợ của ông Phan Văn H2, bà không liên quan đến việc vay mượn tiền của ông T và bà H1. Bà cũng không biết về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có tên ông H2. Bà và ông H2 có 3 người con là Phan Hùng D, Phan Hùng D1, Phan Kim Hồng D2, hiện anh D, anh D1 đang sống cùng bà. Bà xin được vắng mặt trong các phiên họp hòa giải, công khai chứng cứ và xét xử tại Tòa án do bị bệnh và lớn tuổi.

Anh Phan Hùng D, anh Phan Hùng D1, chị Phan Kim Hồng D2 – người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Phan Văn H2 được Tòa án tống đạt Thông báo v/v thụ lý vụ án nhưng không có ý kiến phản hồi gì.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 95/2024/DS-ST ngày 26 tháng 6 năm 2024 của Toà án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng: khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 357, Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468, Điều 615 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 22 Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn T về yêu cầu khởi kiện đối với bà Phan Thị Vui T1.

2. Chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn T đối với những người thừa kế của bà Phan Thị Kim H1.

- Buộc những người thừa kế của bà Phan Thị Kim H1 gồm ông Nguyễn Thanh P, anh Nguyễn Phan Anh T3 có nghĩa vụ trả cho ông Hồ Văn T số tiền vốn 350.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả 46.480.000 đồng, tổng cộng là 396.480.000 đồng (bốn trăm chín mươi sáu triệu, bốn trăm tám mươi ngàn đồng) trong phạm vi di sản do bà Phan Thị Kim H1 để lại.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng thời gian chậm thi hành.

3. Buộc ông Hồ Văn T trả lại cho bà Phan Thị Vui T1; bà Phan Thị Thu T4; các đồng thừa kế của bà Phan Thị Kim H1 là ông Nguyễn Thanh P, anh Nguyễn Phan Anh T3; các đồng thừa kế của ông Phan Văn H2 là bà Phan Thị Thanh H3, anh Phan Hùng D1, anh Phan Hùng D, chị Phan Kim Hồng D2 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 919669, có số vào sổ cấp giấy chứng nhận H02778 ngày 22/11/2007 do UBND thành phố M cấp đồng sử dụng cho bà Phan Thị Kim H1, bà Phan Thị Vui T1, bà Phan Thị Thu T4, ông Phan Văn H2 đứng tên và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 919700, có số vào sổ cấp giấy chứng nhận H02778 ngày 22/11/2007 do UBND thành phố M cấp đồng sử dụng cho bà Phan Thị Kim H1, bà Phan Thị Vui T1, bà Phan Thị Thu T4, ông Phan Văn H2 đứng tên khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 09/7/2024, ông Nguyễn Văn T2 là người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Phan Tuấn A là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Phan Thị Kim H1 có đơn kháng cáo với nội dung: Yêu cầu Tòa phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, anh Nguyễn Phan Tuấn A không có nghĩa vụ trả nợ cho ông Hồ Văn T thay cho bà Phan Thị Kim H1.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn Nguyễn Phan Anh T3 vẫn giữ nguyên cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý phúc thẩm cho đến khi xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Phan Anh T3, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nội dung yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn T2 đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Phan Anh T3, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật trong vụ án "Hợp đồng vay tài sản; Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại" là có căn cứ và phù hợp.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện ủy quyền của nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với bà Phan Thị Vui T1, tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này là có căn cứ, tuy nhiên trong phần Quyết định của bản án không căn cứ điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự để đình chỉ là có thiếu sót.

Bà Phan Thị Thanh H3 xin vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh Phan Hùng D, anh Phan Hùng D1 và chị Phan Kim Hồng D2 mặc dù đã được tòa án tống đạt hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do, Hội đồng xét xử căn cứ vào điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án: Theo ông Hồ Văn T trình bày, ông có cho bà Phan Thị Kim H1 vay tổng số tiền là 350.000.000đồng cụ thể: Ngày 14/10/2021 bà H1 vay số tiền là 150.000.000đồng, thời hạn là 11 tháng; ngày 14/02/2022 bà H1 vay số tiền là 150.000.000đồng, thời hạn 12 tháng; ngày 16/5/2022 (ngày 16/4/2022 âl) bà H1 vay 50.000.000đồng, thời hạn 06 tháng. Các lần vay đều có làm biên nhận tiền, lãi suất thỏa thuận miệng là 1,5%/tháng không ghi trong biên nhận, khi vay bà H1 có thế chấp cho ông 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK919700 và AK919669 ngày 22/11/2007. Nay bà H1 đã chết, ông yêu cầu người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà H1 là ông Nguyễn Thanh P và anh Nguyễn Phan Anh T3 có nghĩa vụ trả cho ông số tiền là 350.000.000đồng và tiền lãi chậm trả từ ngày 15/02/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm tính tròn là 16 tháng với lãi suất 0,83%/tháng trong phạm vi di sản do bà H1 để lại. ông

Nguyễn Thanh P không có ý kến đối với yêu cầu khởi kiện của ông T, anh Nguyễn Phan Anh T3 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T.

Tòa án cấp sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, anh T3 không đồng ý nên có yêu cầu kháng cáo.

[3] Xét nội dung kháng cáo và yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn T2, người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Phan Anh T3, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Nguyễn Văn T2 là người đại diện theo ủy quyền của bà Phan Thị Vui T1, bà Phan Thị Thu T4 và anh Nguyễn Phan Anh T3 xác nhận chữ ký chữ ký tên và dấu vân tay "Bên B" (bên nhận tiền) trong 03 biên nhận mà ông T cung cấp cho Tòa án để làm chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là của bà Phan Thị Kim H1 và xác định hàng thừa kế thứ nhất của bà H1 là ông Nguyễn Thanh P và anh Nguyễn Phan Anh T3. Như vậy việc ông T khởi kiện yêu cầu ông P và anh T3 thực hiện nghĩa vụ về tài sản của bà H1 chết để lại là có căn cứ.

[3.2] Xét về hợp đồng vay tài sản giữa bà H1 với ông T nhận thấy: Ngày 14/10/2021 bà H1 viết "Biên nhận tiền" vay của ông T số tiền là 150.000.000đồng với thời hạn là 11 tháng, không thỏa thuận lãi suất, khi vay bà H1 thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 919669, tiếp đến ngày 14/02/2022 bà H1 viết "Biên nhận tiền" vay của ông T số tiền là 150.000.000đồng, thời hạn là 12 tháng, không thỏa thuận lãi suất, khi vay bà H1 thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 919700, tiếp đến ngày 16/5/2022 bà H1 viết "Biên nhận tiền" vay của ông T số tiền là 50.000.000đồng với thời hạn là 06 tháng, không thỏa thuận lãi suất. Sau khi vay các khoản tiền trên đến ngày 10/4/2023 bà H1 chết. Hàng thừa kế thứ nhất của bà H1 gồm có cha là cụ Phan K (chết năm 1975) mẹ là cụ Phạm Thị K1 (chết năm 1999), chồng là ông Nguyễn Thanh P và con là anh Nguyễn Phan Anh T3. Người đại diện theo ủy quyền của anh T3 thừa nhận chữ ký tên, chữ viết ghi họ tên và dấu vân tay trong 03 "Biên nhận tiền" là của bà H1 và các bị đơn không đưa ra được chứng cứ gì chứng minh bà H1 đã trả cho ông T các khoản vay trên nên Tòa án cấp sơ thẩm xử buộc ông P và anh T3 có nghĩa vụ trả cho ông T số tiền 350.000.000đồng trong phạm vi di sản do bà H1 chết để lại là có căn cứ và phù hợp.

[3.3] Về yêu cầu tính lãi: Anh T3 cho rằng anh không biết số tiền bà H1 vay của ông T và ông T cũng không chứng minh được hai bên có thỏa thuận lãi suất khi vay và bà H1 có thực hiện việc trả lãi cho ông, vì vậy việc ông yêu cầu tính lãi chậm trả của toàn bộ số tiền 350.000.000đồng từ ngày 15/02/2023 đến

ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất 0,83%/tháng, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào điều 357 và khoản 2 điều 468 Bộ luật Dân sự chấp nhận yêu cầu này với thời gian tính lãi 16 tháng là có căn cứ và phù hợp.

[3.4] Đối với 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà H1 thế chấp cho ông T khi vay tiền, ông T vẫn biết giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 919669 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 919700 là cấp cho đồng sử dụng bà Phan Thị Kim H1, bà Phan Thị Vui T1, bà Phan Thị Thu T4 và ông Phan Văn H2 và trong biên nhận vay tiền bà H1 cũng thể hiện rõ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên đồng đứng tên bà Phan Thị Kim H1, bà Phan Thị Vui T1, bà Phan Thị Thu T4 và ông Phan Văn H2 nhưng ông T nhận thế chấp không có sự đồng ý của bà T1, bà T4 và ông H2 và ông T cũng không được quyền nhận thế chấp quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Việc ông T nhận thế chấp quyền sử dụng đất khi thực hiện giao dịch vay tiền với bà H1 là không phù hợp, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông T có nghĩa vụ trả lại 02 giấy đất nêu trên cho các đồng sử dụng đất là có căn cứ và phù hợp.

Từ những phân tích trên, xét thấy yêu cầu kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của anh T3 là không có cơ sở, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Anh Nguyễn Phan Anh T3 phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148, Điều 244, Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 315, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 615 Bộ luật dân sự; Điều 22 Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn T2 đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Phan Anh T3. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 95/2024/DS-ST ngày 26/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn T đối với bà Phan Thị Vui T1.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn T đối với những người thừa kế của bà Phan Thị Kim H1.

Buộc những người thừa kế của bà Phan Thị Kim H1 gồm ông Nguyễn Thanh P, anh Nguyễn Phan Anh T3 có nghĩa vụ trả cho ông Hồ Văn T số tiền vốn vay là 350.000.000đồng và tiền lãi chậm trả 46.480.000đồng, tổng cộng là 396.480.000 đồng (ba trăm chín mươi sáu triệu, bốn trăm tám mươi ngàn đồng) trong phạm vi di sản do bà Phan Thị Kim H1 chết để lại.

4. Buộc ông Hồ Văn T trả lại cho bà Phan Thị Vui T1; bà Phan Thị Thu T4; các đồng thừa kế của bà Phan Thị Kim H1 là ông Nguyễn Thanh P, anh Nguyễn Phan Anh T3; các đồng thừa kế của ông Phan Văn H2 là bà Phan Thị Thanh H3, anh Phan Hùng D1, anh Phan Hùng D, chị Phan Kim Hồng D2 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 919669, có số vào sổ cấp giấy chứng nhận H02778 ngày 22/11/2007 do UBND thành phố M cấp đồng sử dụng cho bà Phan Thị Kim H1, bà Phan Thị Vui T1, bà Phan Thị Thu T4, ông Phan Văn H2 đứng tên và bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 919700, có số vào sổ cấp giấy chứng nhận H02778 ngày 22/11/2007 do UBND thành phố M cấp đồng sử dụng cho bà Phan Thị Kim H1, bà Phan Thị Vui T1, bà Phan Thị Thu T4, ông Phan Văn H2 đứng tên khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông T yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền trên, nếu ông P, anh T3 chậm thi hành thì còn phải chịu thêm khoản lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án, lãi suất phát sinh do chậm thi hành án được xác định theo quy định tại khoản 2 điều 357 Bộ luật Dân sự.

5. Chi phí thu thập chứng cứ: Ông Nguyễn Thanh P và anh Nguyễn Phan Anh T3 có nghĩa vụ trả lại cho ông Hồ Văn T số tiền là 1.000.000đồng.

6. Về án phí: Ông Nguyễn Thanh P và anh Nguyễn Phan Anh T3 phải chịu 19.824.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. Anh Nguyễn Phan Anh T3 phải chịu 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm, anh T3 đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006415 ngày 11/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang xem như nộp xong án phí phúc thẩm.

H4 lại cho ông Hồ Văn T 9.912.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0023717 ngày 19/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang (do chị Nguyễn Thị Mỹ H nộp thay).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự; thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang;
- Chi cục THADS TP Mỹ Tho, Tiền Giang
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Tuyết Linh